

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NĐ, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

Căn cứ vào Điều 212, 213 và khoản 4 Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
Căn cứ vào Điều 55, 57, 81, 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;
Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 58/2024/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 12 năm 2024 về việc: “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Anh Trần Văn B, sinh năm: 1985.

Nơi thường trú: Xã TL, huyện NĐ, tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Chị Hồ Thị D, sinh năm: 1996.

Nơi thường trú: Xã TL, huyện NĐ, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho cháu Trần Thị Ngọc H, sinh ngày: 25/11/2012 và cháu Trần Việt H1, sinh ngày: 01/10/2018: Ông Trương Phan Thụy Dũng là Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Thừa Thiên Huế.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Ngày 02 tháng 12 năm 2024 chị Hồ Thị D và anh Trần Văn B cùng nộp đơn yêu cầu “Công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con”. Quá trình vận động hòa giải, chị D và anh B thống nhất thuận tình ly hôn và không yêu cầu đoàn tụ vợ chồng; Tòa án nhân dân huyện NĐ đã lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành vào ngày 13/12/2024. Anh B đã nộp tiền tạm ứng lệ phí giải quyết việc dân sự theo thỏa thuận giữa anh với chị D. Do đó, đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự của chị D và anh B được Tòa án nhân dân huyện NĐ, tỉnh Thừa Thiên Huế thụ lý và giải quyết là đúng quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung đơn yêu cầu:

- Về quan hệ hôn nH: Chị Hồ Thị D và anh Trần Văn B có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nH dân xã TL, huyện ND, tỉnh Thừa Thiên Huế vào ngày 25 tháng 3 năm 2014 (Theo giấy chứng nhận kết hôn số 08). Hôn nH trên cơ sở tự nguyện. Đây là hôn nH hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Trong quá trình chung sống, chị D và anh B thừa nhận nguyên nH phát sinh mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, thường xuyên cãi nhau nên dẫn đến cuộc sống hôn nH không hạnh phúc. Mâu thuẫn của vợ chồng đã được hai bên gia đình nhiều lần hòa giải, khuyên bảo nhưng giữa hai vợ chồng cũng không tự hàn gắn để chung sống với nhau. Xét thấy, chị D và anh B tự nguyện ly hôn, mâu thuẫn giữa vợ chồng đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nH không đạt được nên cần áp dụng Điều 55 của Luật hôn nH và gia đình chấp nhận đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của chị Hồ Thị D và anh Trần Văn B.

- Về con chung: Vợ chồng chị Hồ Thị D và anh Trần Văn B có 02 người con chung là cháu Trần Thị Ngọc H, sinh ngày: 25/11/2012 và cháu Trần Việt H1, sinh ngày: 01/10/2018. Hai vợ chồng đã thỏa thuận là giao cháu Ngọc H và cháu Việt H1 cho anh Trần Văn B trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi các cháu trưởng thành (đủ 18 tuổi); chị Hồ Thị D không phải cấp dưỡng nuôi con. Sau khi ly hôn, chị Hồ Thị D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Khi cần thiết, vì lợi ích của con chung các bên đương sự có quyền yêu cầu thay đổi nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung, nghĩa vụ trả nợ chung: Chị Hồ Thị D và anh Trần Văn B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nH: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Hồ Thị D, sinh năm: 1996 và anh Trần Văn B, sinh năm: 1985.

- Về con chung: Giao cháu Trần Thị Ngọc H, sinh ngày: 25/11/2012 và cháu Trần Việt H1, sinh ngày: 01/10/2018 cho anh Trần Văn B trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi các cháu trưởng thành (đủ 18 tuổi); chị Hồ Thị D không cấp dưỡng nuôi con. Sau khi ly hôn, chị Hồ Thị D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Khi cần thiết, vì lợi ích của con chung các bên đương sự có quyền yêu cầu thay đổi nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung, nghĩa vụ tài sản chung: Chị Hồ Thị D và anh Trần Văn B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Lệ phí giải quyết việc dân sự là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), anh Trần Văn B tự nguyện chịu nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí mà anh B đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002339 ngày 02 tháng 12 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện NĐ, tỉnh Thừa Thiên Huế; anh B đã nộp đủ lệ phí giải quyết việc dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Viện kiểm sát NH dân huyện NĐ;
- Chi cục THADS huyện NĐ;
- UBND xã TL, huyện NĐ, tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Đương sự;
- Trợ giúp viên pháp lý;
- Lưu án văn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Văn Mạnh